
(Đề thi có 5 trang)

Họ và tên: Lớp:

Mã đề 135

Câu 1. Điều được trồng nhiều nhất ở đâu?

A. Đông Nam Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM CHIA THEO NHÓM DÂN TỘC NĂM 2009

(Đơn vị: triệu người)

Nhóm dân tộc	Kinh	Tày	Thái	Các dân tộc còn lại
Số dân	73,6	1,6	1,5	10,9

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết: Người Kinh chiếm bao nhiêu % trong tổng số dân, các dân tộc còn lại chiếm bao nhiêu %?

A. 85% và 12,4%.

B. 84% và 16%.

C. 84% và 12,4%.

D. 85% và 15%.

Câu 3. Hậu quả nghiêm trọng nhất của tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi là gì?

A. Làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.

B. Tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.

C. Các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.

D. Gia tăng sự mất cân đối tỉ số giới tính giữa các vùng ở nước ta.

Câu 4. Việc mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở vùng núi nước ta cần gắn liền với điều gì?

A. Bảo vệ và phát triển rừng.

B. Sản xuất lương thực và thực phẩm.

C. Nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.

D. Vấn đề thủy lợi.

Câu 5. Dừa được trồng nhiều nhất ở đâu?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 6. Ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp tương đối cao là ở khu vực nào?

A. Nông thôn.

B. Đồng bằng.

C. Miền núi.

D. Thành thị.

Câu 7. Cơ cấu sử dụng lao động nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào?

A. Giảm tỉ trọng lao động của ngành công nghiệp - xây dựng.

B. Giảm tỉ trọng lao động của các ngành dịch vụ.

C. Tăng tỉ trọng lao động của ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

D. Tăng tỉ trọng lao động của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Câu 8. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là gì?

A. Mùa mưa kéo dài làm tăng nguy cơ ngập úng.

B. Thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

C. Độ dốc địa hình lớn, đất dễ bị thoái hoá.

D. Quỹ đất dành cho trồng cây công nghiệp ngày càng bị thu hẹp.

Câu 9. Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là gì?

A. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.

B. Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.

C. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.

D. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

NĂNG SUẤT LÚA TRUNG BÌNH CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	2000	2005	2007	2010
Năng suất lúa trung bình	43	49	50	51

Có thể sử dụng các dạng biểu đồ nào để thể hiện sự gia tăng năng suất lúa của nước ta theo bảng trên?

- A. Biểu đồ cột, biểu đồ đường. B. Biểu đồ đường, biểu đồ miền.
C. Biểu đồ đường, biểu đồ tròn. D. Biểu đồ cột, biểu đồ tròn.

Câu 11. Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA

GIẢI ĐOẠN 2005 - 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2005	2010	2014	2018	2020
Tổng số dân	82,4	86,9	90,7	95,5	97,3
Số dân thành thị	22,3	26,5	30,0	36,3	37,7

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi tổng số dân và số dân thành thị của nước ta trong giai đoạn 2005 – 2020 là gì?

- A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ đường.
C. Biểu đồ cột chồng. D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2010

Năm	2000	2005	2007	2010
Diện tích (triệu ha)	7,6	7,3	7,2	7,1
Sản lượng (triệu tấn)	32,5	35,8	35,9	36,2
Năng suất (tấn/ha)	4,3	4,9	5,0	5,1

Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng tình hình phát triển của ngành sản xuất lúa của nước ta?

- A. Diện tích và sản lượng lúa không ngừng tăng.
B. Năng suất và sản lượng lúa liên tục tăng.
C. Sản lượng và diện tích lúa liên tục giảm.
D. Sản lượng tăng mạnh, diện tích tăng chậm.

Câu 13. Đối với ngành chăn nuôi, khó khăn nào sau đây đã được khắc phục?

- A. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi không được đảm bảo.
B. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và chưa ổn định.
C. Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm đe dọa tràn lan trên diện rộng.
D. Giống gia súc, gia cầm cho năng suất vẫn thấp.

Câu 14. Tỷ trọng cây công nghiệp của nước ta hiện nay có xu hướng tăng nhanh là do đâu?

- A. Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển.
B. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.
C. Dân cư có truyền thống sản xuất.
D. Có tác dụng tốt trong bảo vệ môi trường.

Câu 15. Các loại rau vụ đông: su hào, bắp cải, súp lơ... là thế mạnh của vùng nào?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 16. Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực nào?

- A. Miền núi. B. Nông thôn. C. Đồng bằng. D. Trung du.

Câu 17. Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta là gì?

- A. Người dân còn ít kinh nghiệm về chăn nuôi.
B. Dịch bệnh hại gia súc và gia cầm diễn biến phức tạp.
C. Nguồn thức ăn chưa được đảm bảo.
D. Các dịch vụ về giống chưa phát triển.

Câu 18. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc ở nước ta là gì?

- A. Đảm bảo chất lượng con giống.

- B. Phát triển thêm các đồng cỏ.
- C. Nắm được các yêu cầu của thị trường.
- D. Phát triển dịch vụ thú y.

Câu 19. Trung du và miền núi nước ta có mật độ dân số thấp hơn vùng đồng bằng chủ yếu là do đâu?

- A. Nguồn lao động ít hơn.
- B. Điều kiện tự nhiên khó khăn hơn.
- C. Lịch sử định cư muộn hơn.
- D. Phần lớn diện tích là đất lâm nghiệp.

Câu 20. Đồng bằng sông Hồng có năng suất cao hơn đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do nguyên nhân nào?

- A. Áp dụng nhiều biện pháp khoa học - kĩ thuật.
- B. Sử dụng nhiều giống cao sản.
- C. Người dân có kinh nghiệm cao trong sản xuất.
- D. Đẩy mạnh thâm canh.

Câu 21. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi nào sau đây được lấy từ ngành trồng trọt?

- A. Đồng cỏ tự nhiên.
- B. Hoa màu, lương thực.
- C. Phụ phẩm ngành thủy sản.
- D. Thức ăn chế biến công nghiệp.

Câu 22. Trong ngành trồng trọt, xu thế chuyển dịch hiện nay ở nước ta là gì?

- A. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lâu năm, tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm.
- B. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm, giảm tỉ trọng ngành trồng lúa.
- C. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây hằng năm, giảm tỉ trọng ngành trồng cây ăn quả.
- D. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lương thực, tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp.

Câu 23. Động lực thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và thâm canh trong nông nghiệp ở nước ta là gì?

- A. Sự xuất hiện các hình thức sản xuất mới trong nông nghiệp.
- B. Sự mở rộng nhu cầu của thị trường.
- C. Sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu ngành nông nghiệp.
- D. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp phát triển.

Câu 24. Vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi phát triển nhất nước ta là do đâu?

- A. Có lực lượng lao động đông đảo, có kinh nghiệm trong chăn nuôi.
- B. Có nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng.
- C. Các giống vật nuôi địa phương có giá trị kinh tế cao.
- D. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 25. Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là gì?

- A. Tiến bộ của khoa học - kĩ thuật.
- B. Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.
- C. Lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
- D. Điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 26. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

- A. Số lượng tất cả các loại vật nuôi ở nước ta đều thêm ổn định.
- B. Hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.
- C. Sản xuất hàng hoá là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.
- D. Tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.

Câu 27. Nguyên nhân chính làm cho ngành chăn nuôi nước ta phát triển là gì?

- A. Nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng.
- B. Dịch vụ cho chăn nuôi có nhiều tiến bộ.
- C. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được bảo đảm.
- D. Ngành công nghiệp chế biến phát triển.

Câu 28. Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp hàng năm nhờ đâu?

- A. Nguồn lao động dồi dào, có truyền thống kinh nghiệm.

- B. Có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ.
C. Có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận Xích đạo.
D. Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.

Câu 29. Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn có sự thay đổi theo hướng nào?

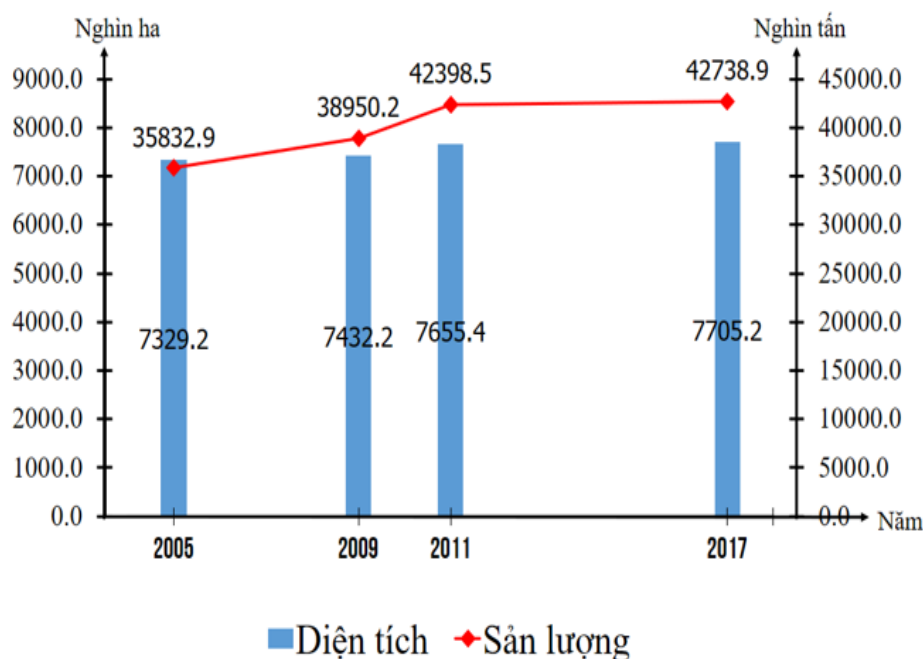
- A. Lao động thành thị giảm. B. Lao động nông thôn tăng.
C. Lao động nông thôn không tăng. D. Lao động thành thị tăng.

Câu 30. Vì sao lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực quốc doanh sang các khu vực khác?

- A. Khu vực quốc doanh làm ăn không có hiệu quả.
B. Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.
C. Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.
D. Nước ta đang thực hiện nền kinh tế mở, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

Câu 31. Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 - 2017



(Nguồn: Số liệu theo Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017)

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn từ năm 1990- 2010?

- A. Diện tích lúa có xu hướng giảm nhẹ, năng suất tăng nhanh.
B. Năng suất lúa tăng nhanh, sản lượng lúa tốc độ tăng chậm nhất.
C. Tốc độ tăng trưởng của sản lượng lúa nhanh hơn diện tích lúa.
D. Diện tích và sản lượng lúa không thay đổi trong cả giai đoạn.

Câu 32. Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ, GIAI ĐOẠN 2005 – 2015

(Đơn vị: nghìn người)

Thành phần kinh tế	2005	2008	2011	2015
Nhà nước	4 976	5 059	5 250	5 186
Ngoài nhà nước	36 695	39 707	43 401	45 451
Có vốn đầu tư nước ngoài	1 113	1 695	1 701	2 204
Tổng số	42 784	46 461	50 352	52 841

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Lao động thuộc thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tăng chậm nhất.
B. Lao động thuộc thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.

C. Lao động thuộc thành phần kinh tế Nhà nước tăng nhiều nhất.

D. Tổng số lao động các thành phần không tăng.

Câu 33. Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực trong điều kiện đất nông nghiệp có hạn ở nước ta là gì?

A. Trồng nhiều cây hoa màu.

B. Khai hoang mở rộng diện tích.

C. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

D. Phát triển mô hình kinh tế V.A.C.

Câu 34. Lao động phổ thông tập trung quá đông ở khu vực thành thị sẽ gây ra vấn đề gì?

A. Có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.

B. Có điều kiện để phát triển các ngành dịch vụ.

C. Giải quyết được nhu cầu việc làm ở các đô thị lớn.

D. Khó bố trí, sắp xếp và giải quyết việc làm.

Câu 35. Đô thị đầu tiên của nước ta tên là gì?

A. Hà Nội.

B. Cổ Loa.

C. Thăng Long.

D. Hội An.

Câu 36. Mục đích chính của việc đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nhằm mục đích gì?

A. Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên.

B. Giải quyết nhu cầu việc làm của xã hội.

C. Nâng cao tỉ lệ dân thành thị.

D. Phân bố lại dân cư.

Câu 37. Mục đích chính của việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng là gì?

A. Tăng hiệu quả kinh tế, hạn chế thiệt hại do thiên tai.

B. Phù hợp với điều kiện đất, khí hậu.

C. Đa dạng hoá sản phẩm nông sản.

D. Phù hợp với nhu cầu thị trường.

Câu 38. Nhận định **không** đúng với đặc điểm phân bố dân cư của nước ta là gì?

A. Phân bố không đồng đều giữa đồng bằng với trung du và miền núi.

B. Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.

C. Mật độ dân số ở nông thôn cao hơn so với đô thị.

D. Tỉ lệ dân thành thị của nước ta ngày càng tăng cao.

Câu 39. Vì sao việc phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng trên phạm vi cả nước là rất cần thiết?

A. Nguồn lao động nước ta còn thiếu tác phong công nghiệp.

B. Tỉ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp của nước ta hiện còn cao.

C. Dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở các đồng bằng.

D. Sự phân bố dân cư của nước ta không đều và chưa hợp lí.

Câu 40. Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu do đâu?

A. Nhu cầu của thị trường lớn.

B. Truyền thống chăn nuôi của vùng ngoại thành.

C. Cơ sở kĩ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.

D. Điều kiện chăm sóc thuận lợi.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh chỉ được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề thi có 5 trang)

Họ và tên: Lớp:

Mã đề 136

- Câu 1.** Các loại rau vụ đông: su hào, bắp cải, súp lơ... là thế mạnh của vùng nào?
A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 2.** Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực nào?
A. Miền núi. B. Nông thôn. C. Đồng bằng. D. Trung du.
- Câu 3.** Cơ cấu sử dụng lao động nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào?
A. Tăng tỉ trọng lao động của ngành nông, lâm, ngư nghiệp.
B. Giảm tỉ trọng lao động của ngành công nghiệp - xây dựng.
C. Tăng tỉ trọng lao động của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
D. Giảm tỉ trọng lao động của các ngành dịch vụ.
- Câu 4.** Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu do đâu?
A. Cơ sở kĩ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.
B. Điều kiện chăm sóc thuận lợi.
C. Truyền thống chăn nuôi của vùng ngoại thành.
D. Nhu cầu của thị trường lớn.
- Câu 5.** Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là gì?
A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi.
B. Tiến bộ của khoa học - kĩ thuật.
C. Lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
D. Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.
- Câu 6.** Điều được trồng nhiều nhất ở đâu?
A. Tây Nguyên. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ.
- Câu 7.** Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp hàng năm nhờ đâu?
A. Nguồn lao động dồi dào, có truyền thống kinh nghiệm.
B. Có nhiều diện tích đất đỏ ba dạn và đất xám phù sa cổ.
C. Có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận Xích đạo.
D. Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.
- Câu 8.** Trong ngành trồng trọt, xu thế chuyển dịch hiện nay ở nước ta là gì?
A. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lâu năm, tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm.
B. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lương thực, tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp.
C. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm, giảm tỉ trọng ngành trồng lúa.
D. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây hàng năm, giảm tỉ trọng ngành trồng cây ăn quả.
- Câu 9.** Việc mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở vùng núi nước ta cần gắn liền với điều gì?
A. Vấn đề thủy lợi.
B. Bảo vệ và phát triển rừng.
C. Nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.
D. Sản xuất lương thực và thực phẩm.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2010

Năm	2000	2005	2007	2010
Diện tích (triệu ha)	7,6	7,3	7,2	7,1
Sản lượng (triệu tấn)	32,5	35,8	35,9	36,2
Năng suất (tấn/ha)	4,3	4,9	5,0	5,1

Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng tình hình phát triển của ngành sản xuất lúa của nước ta?

- A. Năng suất và sản lượng lúa liên tục tăng.
- B. Diện tích và sản lượng lúa không ngừng tăng.
- C. Sản lượng và diện tích lúa liên tục giảm.
- D. Sản lượng tăng mạnh, diện tích tăng chậm.

Câu 11. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM CHIA THEO NHÓM DÂN TỘC NĂM 2009

(Đơn vị: triệu người)

Nhóm dân tộc	Kinh	Tày	Thái	Các dân tộc còn lại
Số dân	73,6	1,6	1,5	10,9

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết: Người Kinh chiếm bao nhiêu % trong tổng số dân, các dân tộc còn lại chiếm bao nhiêu %?

- A. 84% và 12,4%.
- B. 85% và 12,4%.
- C. 84% và 16%.
- D. 85% và 15%.

Câu 12. Đồng bằng sông Hồng có năng suất cao hơn đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do nguyên nhân nào?

- A. Áp dụng nhiều biện pháp khoa học - kĩ thuật.
- B. Người dân có kinh nghiệm cao trong sản xuất.
- C. Sử dụng nhiều giống cao sản.
- D. Đẩy mạnh thâm canh.

Câu 13. Hậu quả nghiêm trọng nhất của tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi là gì?

- A. Các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.
- B. Tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.
- C. Làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.
- D. Gia tăng sự mất cân đối tỉ số giới tính giữa các vùng ở nước ta.

Câu 14. Nguyên nhân chính làm cho ngành chăn nuôi nước ta phát triển là gì?

- A. Nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng.
- B. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được bảo đảm.
- C. Ngành công nghiệp chế biến phát triển.
- D. Dịch vụ cho chăn nuôi có nhiều tiến bộ.

Câu 15. Tỷ trọng cây công nghiệp của nước ta hiện nay có xu hướng tăng nhanh là do đâu?

- A. Dân cư có truyền thống sản xuất.
- B. Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển.
- C. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- D. Có tác dụng tốt trong bảo vệ môi trường.

Câu 16. Động lực thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và thâm canh trong nông nghiệp ở nước ta là gì?

- A. Sự mở rộng nhu cầu của thị trường.
- B. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp phát triển.
- C. Sự xuất hiện các hình thức sản xuất mới trong nông nghiệp.
- D. Sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

Câu 17. Đô thị đầu tiên của nước ta tên là gì?

- A. Hội An.
- B. Thăng Long.
- C. Hà Nội.
- D. Cổ Loa.

Câu 18. Trung du và miền núi nước ta có mật độ dân số thấp hơn vùng đồng bằng chủ yếu là do đâu?

- A. Phần lớn diện tích là đất lâm nghiệp.
- B. Nguồn lao động ít hơn.
- C. Lịch sử định cư muộn hơn.
- D. Điều kiện tự nhiên khó khăn hơn.

- Câu 19.** Vì sao lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực quốc doanh sang các khu vực khác?
- Khu vực quốc doanh làm ăn không có hiệu quả.
 - Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.
 - Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.
 - Nước ta đang thực hiện nền kinh tế mở, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.
- Câu 20.** Lao động phổ thông tập trung quá đông ở khu vực thành thị sẽ gây ra vấn đề gì?
- Có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.
 - Có điều kiện để phát triển các ngành dịch vụ.
 - Khó bố trí, sắp xếp và giải quyết việc làm.
 - Giải quyết được nhu cầu việc làm ở các đô thị lớn.
- Câu 21.** Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc ở nước ta là gì?
- Nắm được các yêu cầu của thị trường.
 - Phát triển thêm các đồng cỏ.
 - Phát triển dịch vụ thú y.
 - Đảm bảo chất lượng con giống.
- Câu 22.** Đối với ngành chăn nuôi, khó khăn nào sau đây đã được khắc phục?
- Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và chưa ổn định.
 - Giống gia súc, gia cầm cho năng suất vẫn thấp.
 - Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm đe dọa tràn lan trên diện rộng.
 - Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi không được đảm bảo.
- Câu 23.** Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là gì?
- Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.
 - Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.
 - Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.
 - Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.

Câu 24. Cho bảng số liệu:

**TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2005 - 2020
(Đơn vị: triệu người)**

Năm	2005	2010	2014	2018	2020
Tổng số dân	82,4	86,9	90,7	95,5	97,3
Số dân thành thị	22,3	26,5	30,0	36,3	37,7

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi tổng số dân và số dân thành thị của nước ta trong giai đoạn 2005 – 2020 là gì?

- Biểu đồ đường.
 - Biểu đồ kết hợp.
 - Biểu đồ cột chồng.
 - Biểu đồ miền.
- Câu 25.** Dừa được trồng nhiều nhất ở đâu?
- Đồng bằng sông Cửu Long.
 - Tây Nguyên.
 - Duyên hải Nam Trung Bộ.
 - Bắc Trung Bộ.
- Câu 26.** Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta là gì?
- Các dịch vụ về giống chưa phát triển.
 - Dịch bệnh hại gia súc và gia cầm diễn biến phức tạp.
 - Nguồn thức ăn chưa được đảm bảo.
 - Người dân còn ít kinh nghiệm về chăn nuôi.
- Câu 27.** Mục đích chính của việc đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nhằm mục đích gì?
- Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên.
 - Giải quyết nhu cầu việc làm của xã hội.
 - Nâng cao tỉ lệ dân thành thị.
 - Phân bố lại dân cư.
- Câu 28.** Vì sao việc phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng trên phạm vi cả nước là rất cần thiết?

- A. Dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở các đồng bằng.
- B. Sự phân bố dân cư của nước ta không đều và chưa hợp lí.
- C. Tỷ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp của nước ta hiện còn cao.
- D. Nguồn lao động nước ta còn thiếu tác phong công nghiệp.

Câu 29. Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực trong điều kiện đất nông nghiệp có hạn ở nước ta là gì?

- A. Khai hoang mở rộng diện tích.
- B. Trồng nhiều cây hoa màu.
- C. Phát triển mô hình kinh tế V.A.C.
- D. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

Câu 30. Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ, GIAI ĐOẠN 2005 – 2015

(Đơn vị: nghìn người)

Thành phần kinh tế	2005	2008	2011	2015
Nhà nước	4 976	5 059	5 250	5 186
Ngoài nhà nước	36 695	39 707	43 401	45 451
Có vốn đầu tư nước ngoài	1 113	1 695	1 701	2 204
Tổng số	42 784	46 461	50 352	52 841

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Lao động thuộc thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tăng chậm nhất.
- B. Lao động thuộc thành phần kinh tế Nhà nước tăng nhiều nhất.
- C. Lao động thuộc thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.
- D. Tổng số lao động các thành phần không tăng.

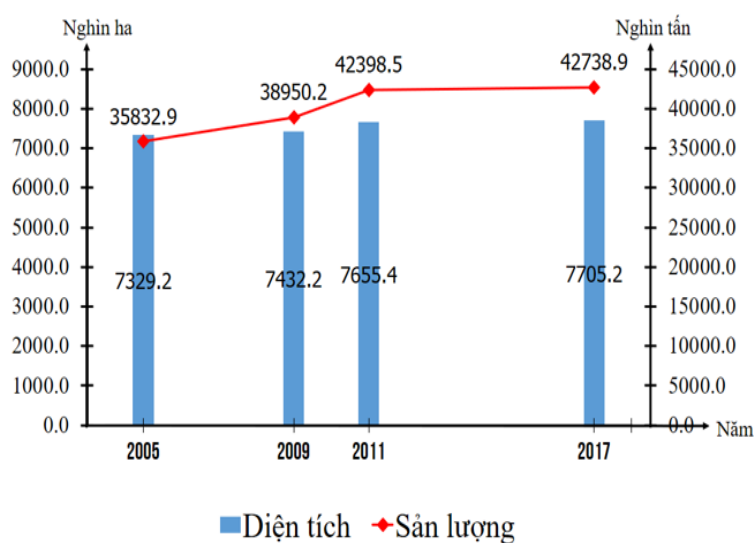
Câu 31. Ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp tương đối cao là ở khu vực nào?

- A. Nông thôn.
- B. Đồng bằng.
- C. Miền núi.
- D. Thành thị.

Câu 32. Vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi phát triển nhất nước ta là do đâu?

- A. Có nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng.
- B. Các giống vật nuôi địa phương có giá trị kinh tế cao.
- C. Có lực lượng lao động đông đảo, có kinh nghiệm trong chăn nuôi.
- D. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 33. Cho biểu đồ: **DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005- 2017**



(Nguồn: Số liệu theo Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017)

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn từ năm 1990- 2010?

- A. Diện tích và sản lượng lúa không thay đổi trong cả giai đoạn.
- B. Năng suất lúa tăng nhanh, sản lượng lúa tốc độ tăng chậm nhất.

C. Tốc độ tăng trưởng của sản lượng lúa nhanh hơn diện tích lúa.

D. Diện tích lúa có xu hướng giảm nhẹ, năng suất tăng nhanh.

Câu 34. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi nào sau đây được lấy từ ngành trồng trọt?

A. Phụ phẩm ngành thủy sản.

B. Hoa màu, lương thực.

C. Thức ăn chế biến công nghiệp.

D. Đồng cỏ tự nhiên.

Câu 35. Mục đích chính của việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng là gì?

A. Phù hợp với nhu cầu thị trường.

B. Phù hợp với điều kiện đất, khí hậu.

C. Đa dạng hoá sản phẩm nông sản.

D. Tăng hiệu quả kinh tế, hạn chế thiệt hại do thiên tai.

Câu 36. Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn có sự thay đổi theo hướng nào?

A. Lao động thành thị giảm.

B. Lao động nông thôn không tăng.

C. Lao động nông thôn tăng.

D. Lao động thành thị tăng.

Câu 37. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là gì?

A. Thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

B. Mùa mưa kéo dài làm tăng nguy cơ ngập úng.

C. Quỹ đất dành cho trồng cây công nghiệp ngày càng bị thu hẹp.

D. Độ dốc địa hình lớn, đất dễ bị thoái hoá.

Câu 38. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

A. Số lượng tất cả các loại vật nuôi ở nước ta đều thêm ổn định.

B. Tỷ trọng của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.

C. Sản xuất hàng hoá là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.

D. Hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.

Câu 39. Cho bảng số liệu:

NĂNG SUẤT LÚA TRUNG BÌNH CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	2000	2005	2007	2010
Năng suất lúa trung bình	43	49	50	51

Có thể sử dụng các dạng biểu đồ nào để thể hiện sự gia tăng năng suất lúa của nước ta theo bảng trên?

A. Biểu đồ cột, biểu đồ tròn.

B. Biểu đồ đường, biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ cột, biểu đồ đường.

D. Biểu đồ đường, biểu đồ miền.

Câu 40. Nhận định **không** đúng với đặc điểm phân bố dân cư của nước ta là gì?

A. Phân bố không đồng đều giữa đồng bằng với trung du và miền núi.

B. Mật độ dân số ở nông thôn cao hơn so với đô thị.

C. Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.

D. Tỷ lệ dân thành thị của nước ta ngày càng tăng cao.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh chỉ được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề thi có 5 trang)

Họ và tên: Lớp:

Mã đề 137

Câu 1. Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu do đâu?

- A. Nhu cầu của thị trường lớn.
- B. Truyền thống chăn nuôi của vùng ngoại thành.
- C. Điều kiện chăm sóc thuận lợi.
- D. Cơ sở kĩ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.

Câu 2. Mục đích chính của việc đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nhằm mục đích gì?

- A. Phân bố lại dân cư.
- B. Nâng cao tỉ lệ dân thành thị.
- C. Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên.
- D. Giải quyết nhu cầu việc làm của xã hội.

Câu 3. Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực trong điều kiện đất nông nghiệp có hạn ở nước ta là gì?

- A. Trồng nhiều cây hoa màu.
- B. Khai hoang mở rộng diện tích.
- C. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.
- D. Phát triển mô hình kinh tế V.A.C.

Câu 4. Vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi phát triển nhất nước ta là do đâu?

- A. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- B. Có lực lượng lao động đông đảo, có kinh nghiệm trong chăn nuôi.
- C. Có nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng.
- D. Các giống vật nuôi địa phương có giá trị kinh tế cao.

Câu 5. Các loại rau vụ đông: su hào, bắp cải, súp lơ... là thế mạnh của vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 6. Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta là gì?

- A. Dịch bệnh hại gia súc và gia cầm diễn biến phức tạp.
- B. Người dân còn ít kinh nghiệm về chăn nuôi.
- C. Nguồn thức ăn chưa được đảm bảo.
- D. Các dịch vụ về giống chưa phát triển.

Câu 7. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc ở nước ta là gì?

- A. Phát triển thêm các đồng cỏ.
- B. Phát triển dịch vụ thú y.
- C. Đảm bảo chất lượng con giống.
- D. Nắm được các yêu cầu của thị trường.

Câu 8. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2010

Năm	2000	2005	2007	2010
Diện tích (triệu ha)	7,6	7,3	7,2	7,1
Sản lượng (triệu tấn)	32,5	35,8	35,9	36,2
Năng suất (tấn/ha)	4,3	4,9	5,0	5,1

Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng tình hình phát triển của ngành sản xuất lúa của nước ta?

- A. Diện tích và sản lượng lúa không ngừng tăng.
- B. Năng suất và sản lượng lúa liên tục tăng.

C. Sản lượng tăng mạnh, diện tích tăng chậm.

D. Sản lượng và diện tích lúa liên tục giảm.

Câu 9. Ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp tương đối cao là ở khu vực nào?

A. Miền núi.

B. Đồng bằng.

C. Thành thị.

D. Nông thôn.

Câu 10. Trong ngành trồng trọt, xu thế chuyển dịch hiện nay ở nước ta là gì?

A. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lương thực, tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp.

B. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lâu năm, tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm.

C. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây hằng năm, giảm tỉ trọng ngành trồng cây ăn quả.

D. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm, giảm tỉ trọng ngành trồng lúa.

Câu 11. Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn có sự thay đổi theo hướng nào?

A. Lao động nông thôn tăng.

B. Lao động nông thôn không tăng.

C. Lao động thành thị tăng.

D. Lao động thành thị giảm.

Câu 12. Nhận định **không** đúng với đặc điểm phân bố dân cư của nước ta là gì?

A. Mật độ dân số ở nông thôn cao hơn so với đô thị.

B. Phân bố không đồng đều giữa đồng bằng với trung du và miền núi.

C. Tỉ lệ dân thành thị của nước ta ngày càng tăng cao.

D. Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.

Câu 13. Dừa được trồng nhiều nhất ở đâu?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM CHIA THEO NHÓM DÂN TỘC NĂM 2009

(Đơn vị: triệu người)

Nhóm dân tộc	Kinh	Tày	Thái	Các dân tộc còn lại
Số dân	73,6	1,6	1,5	10,9

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết: Người Kinh chiếm bao nhiêu % trong tổng số dân, các dân tộc còn lại chiếm bao nhiêu %?

A. 84% và 16%.

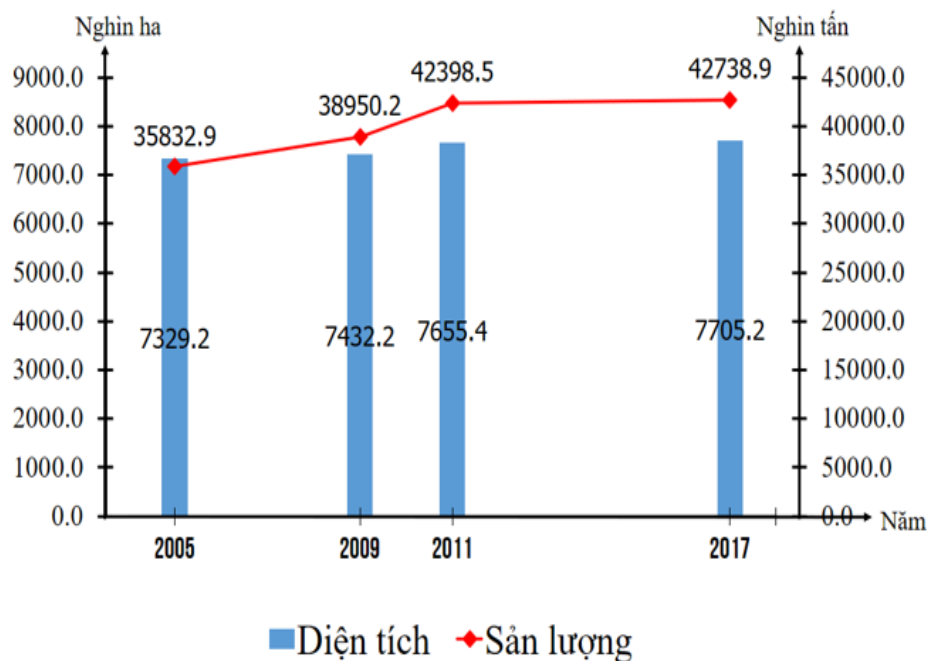
B. 85% và 15%.

C. 85% và 12,4%.

D. 84% và 12,4%.

Câu 15. Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005- 2017



(Nguồn: Số liệu theo Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017)

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn từ năm 1990- 2010?

A. Diện tích và sản lượng lúa không thay đổi trong cả giai đoạn.

- B. Diện tích lúa có xu hướng giảm nhẹ, năng suất tăng nhanh.
- C. Tốc độ tăng trưởng của sản lượng lúa nhanh hơn diện tích lúa.
- D. Năng suất lúa tăng nhanh, sản lượng lúa tốc độ tăng chậm nhất.

Câu 16. Đồng bằng sông Hồng có năng suất cao hơn đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do nguyên nhân nào?

- A. Áp dụng nhiều biện pháp khoa học - kĩ thuật.
- B. Đẩy mạnh thâm canh.
- C. Sử dụng nhiều giống cao sản.
- D. Người dân có kinh nghiệm cao trong sản xuất.

Câu 17. Đô thị đầu tiên của nước ta tên là gì?

- A. Hội An.
- B. Thăng Long.
- C. Hà Nội.
- D. Cổ Loa.

Câu 18. Đối với ngành chăn nuôi, khó khăn nào sau đây đã được khắc phục?

- A. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và chưa ổn định.
- B. Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm đe dọa tràn lan trên diện rộng.
- C. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi không được đảm bảo.
- D. Giống gia súc, gia cầm cho năng suất vẫn thấp.

Câu 19. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

- A. Hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.
- B. Sản xuất hàng hoá là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.
- C. Số lượng tất cả các loại vật nuôi ở nước ta đều thêm ổn định.
- D. Tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.

Câu 20. Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là gì?

- A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- B. Lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
- C. Tiến bộ của khoa học - kĩ thuật.
- D. Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng

Câu 21. Mục đích chính của việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng là gì?

- A. Tăng hiệu quả kinh tế, hạn chế thiệt hại do thiên tai.
- B. Đa dạng hoá sản phẩm nông sản.
- C. Phù hợp với điều kiện đất, khí hậu.
- D. Phù hợp với nhu cầu thị trường.

Câu 22. Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp hàng năm nhờ đâu?

- A. Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.
- B. Nguồn lao động dồi dào, có truyền thống kinh nghiệm.
- C. Có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận Xích đạo.
- D. Có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ.

Câu 23. Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là gì?

- A. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.
- B. Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.
- C. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.
- D. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.

Câu 24. Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực nào?

- A. Nông thôn.
- B. Miền núi.
- C. Trung du.
- D. Đồng bằng.

Câu 25. Tỉ trọng cây công nghiệp của nước ta hiện nay có xu hướng tăng nhanh là do đâu?

- A. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- B. Dân cư có truyền thống sản xuất.
- C. Có tác dụng tốt trong bảo vệ môi trường.
- D. Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển.

Câu 26. Nguyên nhân chính làm cho ngành chăn nuôi nước ta phát triển là gì?

- A. Dịch vụ cho chăn nuôi có nhiều tiến bộ.
- B. Nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng.
- C. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được bảo đảm.
- D. Ngành công nghiệp chế biến phát triển.

Câu 27. Việc mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở vùng núi nước ta cần gắn liền với điều gì?

- A. Vấn đề thủy lợi.
- B. Bảo vệ và phát triển rừng.
- C. Nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.
- D. Sản xuất lương thực và thực phẩm.

Câu 28. Vì sao lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực quốc doanh sang các khu vực khác?

- A. Nước ta đang thực hiện nền kinh tế mở, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.
- B. Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.
- C. Khu vực quốc doanh làm ăn không có hiệu quả.
- D. Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.

Câu 29. Điều được trồng nhiều nhất ở đâu?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 30. Động lực thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và thâm canh trong nông nghiệp ở nước ta là gì?

- A. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp phát triển.
- B. Sự xuất hiện các hình thức sản xuất mới trong nông nghiệp.
- C. Sự mở rộng nhu cầu của thị trường.
- D. Sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

Câu 31. Cho bảng số liệu:

**LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO
THÀNH PHẦN KINH TẾ, GIAI ĐOẠN 2005 – 2015**

(Đơn vị: nghìn người)

Thành phần kinh tế	2005	2008	2011	2015
Nhà nước	4 976	5 059	5 250	5 186
Ngoài nhà nước	36 695	39 707	43 401	45 451
Có vốn đầu tư nước ngoài	1 113	1 695	1 701	2 204
Tổng số	42 784	46 461	50 352	52 841

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Lao động thuộc thành phần kinh tế Nhà nước tăng nhiều nhất.
- B. Lao động thuộc thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tăng chậm nhất.
- C. Lao động thuộc thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.
- D. Tổng số lao động các thành phần không tăng.

Câu 32. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là gì?

- A. Mùa mưa kéo dài làm tăng nguy cơ ngập úng.
- B. Thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.
- C. Độ dốc địa hình lớn, đất dễ bị thoái hoá.
- D. Quỹ đất dành cho trồng cây công nghiệp ngày càng bị thu hẹp.

Câu 33. Lao động phổ thông tập trung quá đông ở khu vực thành thị sẽ gây ra vấn đề gì?

- A. Có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.
- B. Có điều kiện để phát triển các ngành dịch vụ.
- C. Khó bố trí, sắp xếp và giải quyết việc làm.
- D. Giải quyết được nhu cầu việc làm ở các đô thị lớn.

Câu 34. Trung du và miền núi nước ta có mật độ dân số thấp hơn vùng đồng bằng chủ yếu là do đâu?

- A. Điều kiện tự nhiên khó khăn hơn.
- B. Lịch sử định cư muộn hơn.
- C. Nguồn lao động ít hơn.

D. Phần lớn diện tích là đất lâm nghiệp.

Câu 35. Hậu quả nghiêm trọng nhất của tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi là gì?

- A. Các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.
- B. Gia tăng sự mất cân đối tỉ số giới tính giữa các vùng ở nước ta.
- C. Tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.
- D. Làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.

Câu 36. Cơ cấu sử dụng lao động nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Giảm tỉ trọng lao động của ngành công nghiệp - xây dựng.
- B. Tăng tỉ trọng lao động của ngành nông, lâm, ngư nghiệp.
- C. Giảm tỉ trọng lao động của các ngành dịch vụ.
- D. Tăng tỉ trọng lao động của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Câu 37. Cho bảng số liệu:

NĂNG SUẤT LÚA TRUNG BÌNH CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM
(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	2000	2005	2007	2010
Năng suất lúa trung bình	43	49	50	51

Có thể sử dụng các dạng biểu đồ nào để thể hiện sự gia tăng năng suất lúa của nước ta theo bảng trên?

- A. Biểu đồ cột, biểu đồ đường.
- B. Biểu đồ đường, biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ cột, biểu đồ tròn.
- D. Biểu đồ đường, biểu đồ miền.

Câu 38. Vì sao việc phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng trên phạm vi cả nước là rất cần thiết?

- A. Tỉ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp của nước ta hiện còn cao.
- B. Nguồn lao động nước ta còn thiếu tác phong công nghiệp.
- C. Dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở các đồng bằng.
- D. Sự phân bố dân cư của nước ta không đều và chưa hợp lí.

Câu 39. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi nào sau đây được lấy từ ngành trồng trọt?

- A. Thức ăn chế biến công nghiệp.
- B. Đồng cỏ tự nhiên.
- C. Hoa màu, lương thực.
- D. Phụ phẩm ngành thủy sản.

Câu 40. Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA
GIẢI ĐOẠN 2005– 2020
(Đơn vị: triệu người)

Năm	2005	2010	2014	2018	2020
Tổng số dân	82,4	86,9	90,7	95,5	97,3
Số dân thành thị	22,3	26,5	30,0	36,3	37,7

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi tổng số dân và số dân thành thị của nước ta trong giai đoạn 2005 – 2020 là gì?

- A. Biểu đồ miền.
- B. Biểu đồ đường.
- C. Biểu đồ kết hợp.
- D. Biểu đồ cột chồng.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh chỉ được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề thi có 5 trang)

Họ và tên: Lớp:

Mã đề 138

Câu 1. Đối với ngành chăn nuôi, khó khăn nào sau đây đã được khắc phục?

- A. Giống gia súc, gia cầm cho năng suất vẫn thấp.
- B. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi không được đảm bảo.
- C. Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm đe dọa tràn lan trên diện rộng.
- D. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và chưa ổn định.

Câu 2. Động lực thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và thâm canh trong nông nghiệp ở nước ta là gì?

- A. Sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu ngành nông nghiệp.
- B. Sự mở rộng nhu cầu của thị trường.
- C. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp phát triển.
- D. Sự xuất hiện các hình thức sản xuất mới trong nông nghiệp.

Câu 3. Mục đích chính của việc đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nhằm mục đích gì?

- A. Nâng cao tỉ lệ dân thành thị.
- B. Giải quyết nhu cầu việc làm của xã hội.
- C. Phân bố lại dân cư.
- D. Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên.

Câu 4. Nguyên nhân chính làm cho ngành chăn nuôi nước ta phát triển là gì?

- A. Ngành công nghiệp chế biến phát triển.
- B. Dịch vụ cho chăn nuôi có nhiều tiến bộ.
- C. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được bảo đảm.
- D. Nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng.

Câu 5. Vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi phát triển nhất nước ta là do đâu?

- A. Các giống vật nuôi địa phương có giá trị kinh tế cao.
- B. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- C. Có lực lượng lao động đông đảo, có kinh nghiệm trong chăn nuôi.
- D. Có nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng.

Câu 6. Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta là gì?

- A. Nguồn thức ăn chưa được đảm bảo.
- B. Dịch bệnh hại gia súc và gia cầm diễn biến phức tạp.
- C. Người dân còn ít kinh nghiệm về chăn nuôi.
- D. Các dịch vụ về giống chưa phát triển.

Câu 7. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM CHIA THEO NHÓM DÂN TỘC NĂM 2009

(Đơn vị: triệu người)

Nhóm dân tộc	Kinh	Tày	Thái	Các dân tộc còn lại
Số dân	73,6	1,6	1,5	10,9

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết: Người Kinh chiếm bao nhiêu % trong tổng số dân, các dân tộc còn lại chiếm bao nhiêu %?

- A. 84% và 16%.
- B. 84% và 12,4%.
- C. 85% và 15%.
- D. 85% và 12,4%.

Câu 8. Cơ cấu sử dụng lao động nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Tăng tỉ trọng lao động của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
- B. Tăng tỉ trọng lao động của ngành nông, lâm, ngư nghiệp.
- C. Giảm tỉ trọng lao động của ngành công nghiệp - xây dựng.

D. Giảm tỉ trọng lao động của các ngành dịch vụ.

Câu 9. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là gì?

A. Thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

B. Quỹ đất dành cho trồng cây công nghiệp ngày càng bị thu hẹp.

C. Mùa mưa kéo dài làm tăng nguy cơ ngập úng.

D. Độ dốc địa hình lớn, đất dễ bị thoái hoá.

Câu 10. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu phát triển đàn gia súc ở nước ta là gì?

A. Phát triển thêm các đồng cỏ.

B. Đảm bảo chất lượng con giống.

C. Nắm được các yêu cầu của thị trường.

D. Phát triển dịch vụ thú y.

Câu 11. Ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp tương đối cao là ở khu vực nào?

A. Đồng bằng.

B. Nông thôn.

C. Thành thị.

D. Miền núi.

Câu 12. Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là gì?

A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi.

B. Lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.

C. Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng

D. Tiến bộ của khoa học - kĩ thuật.

Câu 13. Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu do đâu?

A. Cơ sở kĩ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.

B. Điều kiện chăm sóc thuận lợi.

C. Truyền thống chăn nuôi của vùng ngoại thành.

D. Nhu cầu của thị trường lớn.

Câu 14. Đồng bằng sông Hồng có năng suất cao hơn đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do nguyên nhân nào?

A. Đẩy mạnh thâm canh.

B. Người dân có kinh nghiệm cao trong sản xuất.

C. Sử dụng nhiều giống cao sản.

D. Áp dụng nhiều biện pháp khoa học - kĩ thuật.

Câu 15. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi nào sau đây được lấy từ ngành trồng trọt?

A. Phụ phẩm ngành thủy sản.

B. Đồng cỏ tự nhiên.

C. Thức ăn chế biến công nghiệp.

D. Hoa màu, lương thực.

Câu 16. Vì sao việc phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng trên phạm vi cả nước là rất cần thiết?

A. Sự phân bố dân cư của nước ta không đều và chưa hợp lí.

B. Dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở các đồng bằng.

C. Tỉ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp của nước ta hiện còn cao.

D. Nguồn lao động nước ta còn thiếu tác phong công nghiệp.

Câu 17. Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp hàng năm nhờ đâu?

A. Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.

B. Nguồn lao động dồi dào, có truyền thống kinh nghiệm.

C. Có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận Xích đạo.

D. Có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ.

Câu 18. Tỉ trọng cây công nghiệp của nước ta hiện nay có xu hướng tăng nhanh là do đâu?

A. Dân cư có truyền thống sản xuất.

B. Có tác dụng tốt trong bảo vệ môi trường.

C. Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển.

D. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Câu 19. Trong ngành trồng trọt, xu thế chuyển dịch hiện nay ở nước ta là gì?

A. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lương thực, tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp.

B. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm, giảm tỉ trọng ngành trồng lúa.

C. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây hằng năm, giảm tỉ trọng ngành trồng cây ăn quả.

D. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lâu năm, tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm.

Câu 20. Đô thị đầu tiên của nước ta tên là gì?

A. Cổ Loa.

B. Thăng Long.

C. Hà Nội.

D. Hội An.

Câu 21. Mục đích chính của việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng là gì?

A. Đa dạng hoá sản phẩm nông sản.

B. Tăng hiệu quả kinh tế, hạn chế thiệt hại do thiên tai.

C. Phù hợp với điều kiện đất, khí hậu.

D. Phù hợp với nhu cầu thị trường.

Câu 22. Điều được trồng nhiều nhất ở đâu?

A. Tây Nguyên.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 23. Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA

GIAI ĐOẠN 2005– 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2005	2010	2014	2018	2020
Tổng số dân	82,4	86,9	90,7	95,5	97,3
Số dân thành thị	22,3	26,5	30,0	36,3	37,7

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi tổng số dân và số dân thành thị của nước ta trong giai đoạn 2005 – 2020 là gì?

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ đường.

C. Biểu đồ kết hợp.

D. Biểu đồ cột chồng.

Câu 24. Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO

THÀNH PHẦN KINH TẾ, GIAI ĐOẠN 2005 – 2015

(Đơn vị: nghìn người)

Thành phần kinh tế	2005	2008	2011	2015
Nhà nước	4 976	5 059	5 250	5 186
Ngoài nhà nước	36 695	39 707	43 401	45 451
Có vốn đầu tư nước ngoài	1 113	1 695	1 701	2 204
Tổng số	42 784	46 461	50 352	52 841

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng?

A. Lao động thuộc thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.

B. Lao động thuộc thành phần kinh tế Nhà nước tăng nhiều nhất.

C. Lao động thuộc thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tăng chậm nhất.

D. Tổng số lao động các thành phần không tăng.

Câu 25. Các loại rau vụ đông: su hào, bắp cải, súp lơ... là thế mạnh của vùng nào?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 26. Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực trong điều kiện đất nông nghiệp có hạn ở nước ta là gì?

A. Khai hoang mở rộng diện tích.

B. Phát triển mô hình kinh tế V.A.C.

C. Trồng nhiều cây hoa màu.

D. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

Câu 27. Dừa được trồng nhiều nhất ở đâu?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 28. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2010

Năm	2000	2005	2007	2010
Diện tích (triệu ha)	7,6	7,3	7,2	7,1
Sản lượng (triệu tấn)	32,5	35,8	35,9	36,2
Năng suất (tấn/ha)	4,3	4,9	5,0	5,1

Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng tình hình phát triển của ngành sản xuất lúa của nước ta?

- A. Sản lượng tăng mạnh, diện tích tăng chậm.
- B. Diện tích và sản lượng lúa không ngừng tăng.
- C. Sản lượng và diện tích lúa liên tục giảm.
- D. Năng suất và sản lượng lúa liên tục tăng.

Câu 29. Cho bảng số liệu:

NĂNG SUẤT LÚA TRUNG BÌNH CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM
(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	2000	2005	2007	2010
Năng suất lúa trung bình	43	49	50	51

Có thể sử dụng các dạng biểu đồ nào để thể hiện sự gia tăng năng suất lúa của nước ta theo bảng trên?

- A. Biểu đồ cột, biểu đồ tròn.
- B. Biểu đồ cột, biểu đồ đường.
- C. Biểu đồ đường, biểu đồ miền.
- D. Biểu đồ đường, biểu đồ tròn.

Câu 30. Nhận định **không** đúng với đặc điểm phân bố dân cư của nước ta là gì?

- A. Tỷ lệ dân thành thị của nước ta ngày càng tăng cao.
- B. Mật độ dân số ở nông thôn cao hơn so với đô thị.
- C. Phân bố không đồng đều giữa đồng bằng với trung du và miền núi.
- D. Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.

Câu 31. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

- A. Số lượng tất cả các loại vật nuôi ở nước ta đều thêm ổn định.
- B. Hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.
- C. Tỷ trọng của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.
- D. Sản xuất hàng hoá là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.

Câu 32. Trung du và miền núi nước ta có mật độ dân số thấp hơn vùng đồng bằng chủ yếu là do đâu?

- A. Điều kiện tự nhiên khó khăn hơn.
- B. Phần lớn diện tích là đất lâm nghiệp.
- C. Nguồn lao động ít hơn.
- D. Lịch sử định cư muộn hơn.

Câu 33. Vì sao lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực quốc doanh sang các khu vực khác?

- A. Khu vực quốc doanh làm ăn không có hiệu quả.
- B. Nước ta đang thực hiện nền kinh tế mở, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.
- C. Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.
- D. Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Câu 34. Lao động phổ thông tập trung quá đông ở khu vực thành thị sẽ gây ra vấn đề gì?

- A. Có điều kiện để phát triển các ngành dịch vụ.
- B. Khó bố trí, sắp xếp và giải quyết việc làm.
- C. Giải quyết được nhu cầu việc làm ở các đô thị lớn.
- D. Có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.

Câu 35. Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn có sự thay đổi theo hướng nào?

- A. Lao động nông thôn tăng.
- B. Lao động nông thôn không tăng.
- C. Lao động thành thị giảm.
- D. Lao động thành thị tăng.

Câu 36. Hậu quả nghiêm trọng nhất của tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi là gì?

- A. Làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.
- B. Tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.
- C. Các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.

D. Gia tăng sự mất cân đối tỉ số giới tính giữa các vùng ở nước ta.

Câu 37. Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là gì?

A. Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.

B. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.

C. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.

D. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.

Câu 38. Việc mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở vùng núi nước ta cần gắn liền với điều gì?

A. Vấn đề thủy lợi.

B. Nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.

C. Sản xuất lương thực và thực phẩm.

D. Bảo vệ và phát triển rừng.

Câu 39. Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực nào?

A. Trung du.

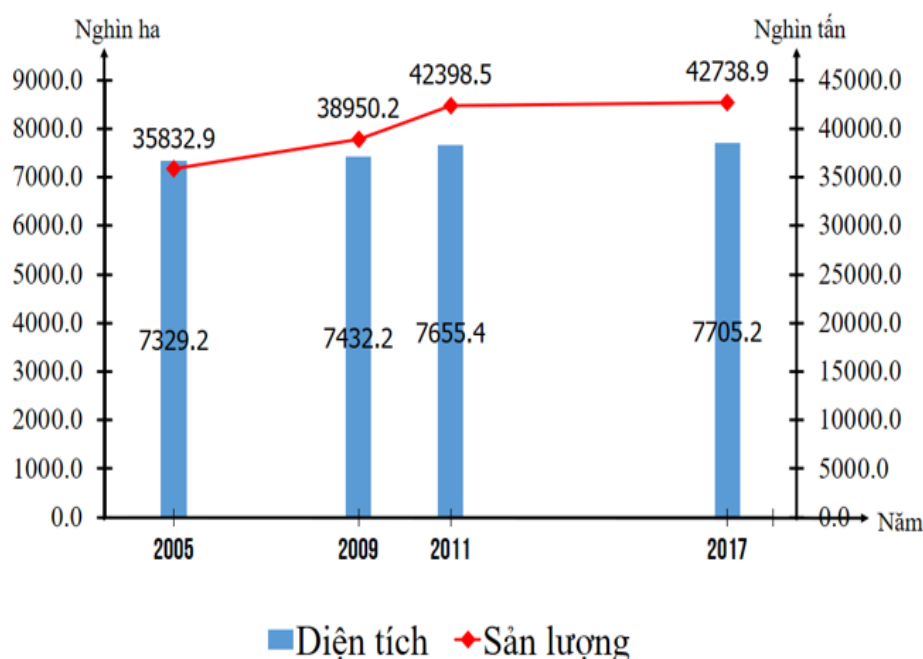
B. Đồng bằng.

C. Nông thôn.

D. Miền núi.

Câu 40. Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005- 2017



(Nguồn: Số liệu theo Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017)

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn từ năm 1990- 2010?

A. Tốc độ tăng trưởng của sản lượng lúa nhanh hơn diện tích lúa.

B. Diện tích và sản lượng lúa không thay đổi trong cả giai đoạn.

C. Diện tích lúa có xu hướng giảm nhẹ, năng suất tăng nhanh.

D. Năng suất lúa tăng nhanh, sản lượng lúa tốc độ tăng chậm nhất.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh chỉ được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐỀ HÒA NHẬP
MÃ ĐỀ: 125

- Câu 1.** Vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta là vùng nào?
A. Bắc Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Tây Bắc. D. Tây Nguyên.
- Câu 2.** Nguyên nhân cơ bản làm Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao hơn đồng bằng sông Cửu Long là gì?
A. Lịch sử định cư sớm hơn. B. Giao thông thuận tiện hơn.
C. Khí hậu thuận lợi hơn. D. Đất đai màu mỡ, phì nhiêu hơn.
- Câu 3.** Đâu là hạn chế lớn nhất của cơ cấu dân số trẻ?
A. Khó hạ tỉ lệ tăng dân.
B. Những người trong độ tuổi sinh đẻ lớn.
C. Gây sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm.
D. Gánh nặng phụ thuộc lớn.
- Câu 4.** Vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước ta là vùng nào?
A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải miền Trung.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ.
- Câu 5.** Hiện nay, nước ta có tỉ suất sinh tương đối thấp là do đâu?
A. Số người trong độ tuổi sinh đẻ ít.
B. Thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình.
C. Đời sống nhân dân khó khăn.
D. Xu hướng sống độc thân ngày càng phổ biến.
- Câu 6.** Trung du và miền núi nước ta có mật độ dân số thấp hơn vùng đồng bằng chủ yếu là do nguyên nhân nào?
A. Điều kiện tự nhiên khó khăn hơn. B. Lịch sử định cư muộn hơn.
C. Nguồn lao động ít hơn. D. Phần lớn diện tích là đất lâm nghiệp.
- Câu 7.** Hậu quả nghiêm trọng nhất của tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi là gì?
A. Gia tăng sự mất cân đối tỉ số giới tính giữa các vùng ở nước ta.
B. Các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.
C. Làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.
D. Tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.
- Câu 8.** Vì sao lao động nước ta chủ yếu tập trung vào các ngành nông, lâm, ngư nghiệp?
A. Các ngành này có cơ cấu đa dạng, trình độ sản xuất cao.

- B. Thực hiện đa dạng hoá các hoạt động sản xuất ở nông thôn.
- C. Tỷ lệ lao động thủ công còn cao, sử dụng công cụ thô sơ vẫn còn phổ biến.
- D. Sử dụng nhiều máy móc trong sản xuất.

Câu 9. Để sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động trẻ ở nước ta, thì phương hướng trước tiên là gì?

- A. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo.
- B. Lập các cơ sở, các trung tâm giới thiệu việc làm.
- C. Có kế hoạch giáo dục và đào tạo hợp lý ngay từ bậc phổ thông.
- D. Mở rộng và đa dạng hóa các ngành nghề thủ công truyền thống.

Câu 10. Biện pháp chủ yếu nào để giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Đa dạng hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn.
- B. Tập trung thâm canh và tăng vụ.
- C. Ra thành phố tìm kiếm việc làm.
- D. Phát triển ngành thủ công nghiệp ở nông thôn.

Câu 11. Chất lượng nguồn lao động nước ta ngày càng được nâng cao là nhờ đâu?

- A. Số lượng lao động làm việc trong các công ti liên doanh tăng lên.
- B. Phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.
- C. Những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.
- D. Mở thêm nhiều trung tâm đào tạo, hướng nghiệp.

Câu 12. Đâu là khu vực chiếm tỉ trọng rất nhỏ nhưng lại tăng rất nhanh trong cơ cấu sử dụng lao động nước ta?

- | | |
|------------------------------|----------------|
| A. Quốc doanh. | B. Xây dựng. |
| C. Có vốn đầu tư nước ngoài. | D. Ngư nghiệp. |

Câu 13. Phần lớn lao động nước ta chủ yếu trong khu vực nào?

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| A. Công nghiệp - xây dựng | B. Dịch vụ. |
| C. Công nghiệp - dịch vụ. | D. Nông - lâm - ngư nghiệp |

Câu 14. Đặc điểm nào **không** đúng về chất lượng nguồn lao động của nước ta?

- A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.
- B. Cần cù, sáng tạo, ham học hỏi.
- C. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp.
- D. Chất lượng nguồn lao động đang ngày càng được nâng lên.

Câu 15. Mặt hạn chế lớn nhất của nguồn lao động nước ta hiện nay là gì?

- | | |
|---|--|
| A. Số lượng quá đông đảo. | B. Tỷ lệ người lớn biết chữ không cao. |
| C. Thấp về trình độ chuyên môn còn hạn chế. | D. Tập trung chủ yếu ở nông thôn. |

Câu 16. Lao động phổ thông tập trung quá đông ở khu vực thành thị sẽ tạo ra điều gì?

- A. Có điều kiện để phát triển các ngành dịch vụ.
- B. Giải quyết được nhu cầu việc làm ở các đô thị lớn.
- C. Có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.

D. Khó bố trí, sắp xếp và giải quyết việc làm.

Câu 17. Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực nào?

A. Đồng bằng. B. Miền núi. C. Nông thôn. D. Trung du.

Câu 18. Ở nước ta, tỉ lệ thất nghiệp tương đối cao là ở khu vực nào?

A. Đồng bằng. B. Miền núi. C. Thành thị. D. Nông thôn.

Câu 19. Điều **không** phải là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn?

A. Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất địa phương.
B. Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khoẻ sinh sản.
C. Phân chia lại ruộng đất, giao đất giao rừng cho nông dân.
D. Coi trọng kinh tế hộ gia đình, phát triển nền kinh tế hàng hoá.

Câu 20. Vùng có đô thị nhiều nhất nước ta hiện nay là vùng nào?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Duyên hải miền Trung.

Câu 21. Đặc điểm nào **không** đúng với đô thị hóa?

A. Xu hướng tăng nhanh dân số thành thị.
B. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.
C. Lối sống thành thị được phổ biến rộng rãi.
D. Hoạt động của dân cư gắn với nông nghiệp.

Câu 22. Mạng lưới các thành phố, thị xã, thị trấn dày đặc nhất của nước ta tập trung ở đâu?

A. Vùng Duyên hải miền Trung. B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
C. Vùng Tây Nguyên. D. Vùng Đông Nam Bộ.

Câu 23. Đô thị đầu tiên của nước ta đô thị nào?

A. Hà Nội. B. Hội An. C. Cổ Loa. D. Thăng Long.

Câu 24. Nguyên nhân dẫn tới quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ trong thời gian qua là gì?

A. Công nghiệp hoá phát triển mạnh.
B. Quá trình đô thị hoá giả tạo, tự phát.
C. Mức sống của người dân cao.
D. Kinh tế phát triển nhanh.

Câu 25. Ảnh hưởng tiêu cực của quá trình đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta là gì?

A. Làm chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
B. Ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự xã hội.
C. Làm thu hẹp diện tích đất nông nghiệp.
D. Tỉ lệ thiếu việc làm cao.

Câu 26. Biểu hiện rõ nét nhất cho việc nước ta đã đảm bảo vấn đề an ninh lương thực là gì?

A. Diện tích lúa đã có dấu hiệu giảm dần trong giai đoạn gần đây.
B. Sản lượng lương thực tăng liên tục trong thời gian gần đây.
C. Tỉ lệ hộ đói nghèo của nước ta giảm nhanh trong thời gian gần đây.
D. Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

Câu 27. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên khi phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là gì?

- A. Thiếu thị trường tiêu thụ.
- B. Thiếu đất trồng cây công nghiệp.
- C. Lao động có trình độ sản xuất thấp.
- D. Thiếu nước trầm trọng vào mùa khô.

Câu 28. Đàn gia cầm ở nước ta có số lượng lớn nhất là do đâu?

- A. Dịch vụ thú y được chú trọng phát triển.
- B. Có nguồn thức ăn chế biến dồi dào.
- C. Nhu cầu thịt, trứng cho tiêu dùng và xuất khẩu ngày càng tăng.
- D. Chính sách phát triển chăn nuôi của nhà nước

Câu 29. Vùng cây ăn quả lớn nhất nước ta là vùng nào?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 30. Nguyên nhân chính nào làm cho ngành chăn nuôi trâu ở nước ta giảm nhanh về số lượng?

- A. Đồng cỏ hẹp.
- B. Hiệu quả kinh tế thấp.
- C. Không thích hợp với khí hậu.
- D. Nhu cầu về sức kéo giảm.

Câu 31. Vùng trọng điểm sản xuất cây công nghiệp lớn nhất nước ta là vùng nào?

- A. Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đông Nam Bộ và Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.
- D. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Câu 32. Thế mạnh tương đồng về sản xuất nông nghiệp ở hai vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên hải miền Trung là gì?

- A. Phát triển cây hoa màu.
- B. Sản xuất lương thực.
- C. Phát triển cây ăn quả.
- D. Phát triển chăn nuôi và đánh bắt thủy sản.

Câu 33. Diện tích cây rau đậu ở nước ta được trồng tập trung chủ yếu ở đâu?

- A. Các dải đất phù sa màu mỡ.
- B. Vùng đất phù sa cổ và phù sa ven sông.
- C. Vùng đất cát ven biển.
- D. Ven các thành phố lớn.

Câu 34. Vùng có diện tích trồng rau lớn nhất ở nước ta là vùng nào?

- A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng duyên hải miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng duyên hải miền Trung.
- D. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 35. Ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm ở nước ta là gì?

- A. Đảm bảo an ninh lương thực trong nước.
- B. Tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.
- C. Giải quyết việc làm cho người lao động.

D. Tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Câu 36. Trong nội bộ ngành, sản xuất nông nghiệp nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào?

A. Giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi gia súc lớn, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi gia cầm.

B. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.

C. Tăng tỉ trọng trồng cây ăn quả, giảm tỉ trọng ngành trồng cây lương thực.

D. Tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi gia súc lớn, giảm tỉ trọng các sản phẩm không qua giết thịt.

Câu 37. Dừa được trồng nhiều nhất ở đâu?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 38. Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta là gì?

A. Dịch bệnh hại gia súc và gia cầm diễn biến phức tạp.

B. Nguồn thức ăn chưa được đảm bảo.

C. Người dân còn ít kinh nghiệm về chăn nuôi.

D. Các dịch vụ về giống chưa phát triển.

Câu 39. Các loại rau vụ đông: su hào, bắp cải, súp lơ... là thế mạnh của vùng nào?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 40. Nguyên nhân chính làm cho ngành chăn nuôi nước ta phát triển là gì?

A. Dịch vụ cho chăn nuôi có nhiều tiến bộ.

B. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm.

C. Ngành công nghiệp chế biến phát triển.

D. Nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh chỉ được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN THI: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 - THỜI GIAN: 45 PHÚT

Mã đề 135

1.A	2.C	3.B	4.A	5.A	6.D	7.D	8.B	9.C	10.A
11.C	12.B	13.A	14.B	15.D	16.B	17.B	18.C	19.B	20.D
21.B	22.D	23.C	24.B	25.B	26.A	27.C	28.B	29.D	30.B
31.C	32.B	33.C	34.D	35.B	36.B	37.A	38.C	39.D	40.A

Mã đề 136

1.D	2.B	3.C	4.D	5.D	6.C	7.B	8.B	9.B	10.A
11.A	12.D	13.B	14.B	15.C	16.D	17.D	18.D	19.B	20.C
21.A	22.D	23.A	24.C	25.A	26.B	27.B	28.B	29.D	30.C
31.D	32.A	33.C	34.B	35.D	36.D	37.A	38.A	39.C	40.B

Mã đề 137

1.A	2.D	3.C	4.C	5.A	6.A	7.D	8.B	9.C	10.A
11.C	12.A	13.D	14.D	15.C	16.B	17.D	18.C	19.C	20.D
21.A	22.D	23.D	24.A	25.A	26.C	27.B	28.D	29.A	30.D
31.C	32.B	33.C	34.A	35.C	36.D	37.A	38.D	39.C	40.D

Mã đề 138

1.B	2.A	3.B	4.C	5.D	6.B	7.B	8.A	9.A	10.C
11.C	12.C	13.D	14.A	15.D	16.A	17.D	18.D	19.A	20.A
21.B	22.C	23.D	24.A	25.D	26.D	27.B	28.D	29.B	30.B
31.A	32.A	33.C	34.B	35.D	36.B	37.D	38.D	39.C	40.A

ĐỀ HÒA NHẬP 125

1.D	2.B	3.B	4.C	5.D	6.C	7.C	8.B	9.D	10.D
11.B	12.A	13.A	14.B	15.B	16.D	17.B	18.C	19.D	20.A
21.C	22.A	23.A	24.A	25.B	26.C	27.C	28.A	29.D	30.B
31.A	32.A	33.B	34.B	35.A	36.D	37.D	38.A	39.D	40.C